

Vai trò của viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong luật tố tụng hình sự Việt Nam : Luận văn ThS. Luật: 60 38 40 Nguyễn Bá Phùng ; Nghd. : GS.TS. Đỗ Ngọc Quang

1. Tình thế cấp thiết của đề tài.

Quán triệt Chỉ thị số 53- CT/TW ngày 21/3/2000 của trung ương Đảng cộng sản Việt Nam về một số công việc cấp bách của các cơ quan tư pháp cần thực hiện trong năm 2000 đã nêu rõ:

“Tăng cường trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân đối với công tác bắt, giam giữ. Việc bắt, giam phải được xem xét phê chuẩn đối với từng trường hợp, từng đối tượng cụ thể. Đối với trường hợp bắt giam cũng được hoặc không bắt giam cũng được thì không bắt giam. Sai sót trong việc bắt, giam, giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện kiểm sát nhân dân ở địa phương đó chịu trách nhiệm”.

Quan điểm chỉ đạo rõ ràng là đối với trường hợp bắt giam cũng được hoặc không bắt giam cũng được thì không bắt giam. Sai sót trong việc bắt, giam, giữ ở địa phương nào thì trước hết Viện kiểm sát nhân dân ở địa phương đó chịu trách nhiệm.

Nghị Quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới cũng chỉ rõ:

“... Tăng cường công tác kiểm sát việc bắt, giam, giữ bảo đảm đúng pháp luật; những trường hợp chưa cần bắt, tạm giữ, tạm giam thì kiên quyết không phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp oan sai trong bắt, giữ. Viện kiểm sát các cấp chịu trách nhiệm về những oan, sai trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam thuộc phạm vi thẩm quyền phê chuẩn của mình...”.

Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và trình tự, thủ tục tố tụng cần được học tập nghiên cứu một cách có hệ thống để vận dụng đúng vào thực tế giải quyết các vụ án tránh được các oan, sai đáng tiếc xảy ra trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam. Đảm bảo cho công tác đấu tranh phòng chống tội phạm đạt kết quả cao nhất, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, góp phần vào việc tăng cường pháp chế và trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Các biện pháp ngăn chặn được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự bảo đảm cho công tác điều tra, truy tố, xét xử thi hành án được khách quan, thuận lợi. Nhưng hiện nay việc hiểu và vận dụng các quy định pháp luật về căn cứ, trình tự, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn vẫn có không ít những trường hợp không đúng pháp luật, như việc bắt, tạm giữ hình sự sau đó chuyển xử lý hành chính; bắt, tạm giữ, tạm

giam, oan sai xâm phạm đến các quyền cơ bản của công dân. Ngược lại, có trường hợp cần thiết phải bắt nhưng không bắt tạm giam dẫn đến nhiều vụ án không được điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án do người phạm tội bỏ trốn, đã gây nên sự hoài nghi của quần chúng nhân dân đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật, làm giảm sút uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Những sai sót, hạn chế nêu trên không thể không nhắc tới hạn chế về chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát, đảm bảo cho việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn phát huy được tác dụng trong ngăn ngừa tội phạm và đảm bảo các hoạt động tố tụng về điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được tiến hành thuận lợi, nhanh chóng, giải quyết dứt điểm các vụ án, không để xảy ra oan sai. Thực hiện tốt công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp sẽ phản ánh đích thực về vị trí, vai trò của cơ quan Viện Kiểm sát trong bộ máy Nhà nước và trong hoạt động tố tụng hình sự Việt Nam.

Tình hình trên cho thấy việc nghiên cứu có hệ thống các quy định pháp luật về bắt, tạm giữ, tạm giam cũng như vai trò của Viện kiểm sát trong vấn đề này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc. Chính vì lý do đó tác giả quyết định chọn đề tài: *“Vai trò của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong luật tố tụng hình sự Việt Nam”* cho luận văn tốt nghiệp Thạc sỹ luật học.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.

Luận văn nghiên cứu toàn diện, có hệ thống về các biện pháp ngăn chặn: bắt, tạm giữ, tạm giam và vai trò của Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam. Từ đó làm sáng tỏ những cơ sở pháp lý của hoạt động áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam nhằm bảo đảm cho các cơ quan bảo vệ pháp luật áp dụng các biện pháp ngăn chặn được đúng pháp luật. Trên cơ sở đó làm sáng tỏ vị trí, vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của Viện kiểm sát và kiểm sát viên trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn: bắt, tạm giữ, tạm giam.

- Về nhiệm vụ: luận văn có các nhiệm vụ phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn công tác áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam; phân tích vai trò và trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam; và đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao vai trò và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam.

Trên cơ sở phân tích những quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, các văn bản pháp luật khác và thực tiễn công tác áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam và hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát các hoạt động tư pháp trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn. Đề tài sẽ

nêu ra những điểm hợp lý, những thuận lợi và khó khăn khi áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam cũng như vai trò của Viện Kiểm sát trong lĩnh vực này. Từ đó đưa ra một số đề xuất kiến nghị để đảm bảo và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp hoạt động theo đúng trình tự, thủ tục, quy định của pháp luật, đồng thời bảo vệ các quyền cơ bản của công dân và nâng cao vai trò, uy tín của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Xây dựng hệ thống pháp luật ngày càng hoàn thiện và đồng bộ hơn.

3. Phạm vi nghiên cứu của đề tài.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài là các quy định của pháp luật về vai trò của Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam, những mặt tích cực cũng như những mặt hạn chế trong quá trình thực hiện và thực tiễn thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động tư pháp của Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam ở các giai đoạn tố tụng hình sự từ năm 2005 đến năm 2008.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của đề tài là hệ thống các quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và Pháp luật; các quan điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về tăng cường Pháp chế xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân; nhất là quan điểm chỉ đạo của Đảng về cải cách tư pháp trong Nghị Quyết 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính Trị “về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới”.

Cơ sở phương pháp luận của đề tài là chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử kết hợp một số phương pháp khác như Phương pháp phân tích, tổng hợp; Phương pháp điều tra xã hội học; Phương pháp nghiên cứu và xử lý thông tin; Phương pháp thống kê; Phương pháp lôgic; Phương pháp khảo sát thực tế; Phương pháp dùng biểu đồ minh họa; Phương pháp so sánh, đối chiếu; Phân tích, dẫn giải các quy định của pháp luật về hoạt động của Viện kiểm sát và các cơ quan tiến hành tố tụng khác, tổng kết thực tiễn công tác kiểm sát hoạt động tư pháp trong bắt, tạm giữ, tạm giam và hoạt động của các cơ quan tư pháp khác.

5. Ý nghĩa nghiên cứu của đề tài.

Việc nghiên cứu vai trò của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam mang một ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn rất sâu sắc; về lý luận đưa đến cho chúng ta một quan điểm pháp lý chặt chẽ về vấn đề bắt, tạm giữ, tạm giam đó là các trình tự, thủ tục trong các biện pháp cụ thể hay trường hợp nào thì thực hiện biện pháp ngăn chặn nào cho đúng pháp luật, đúng người, đúng tội danh. Từ chỗ có lý luận chặt chẽ sẽ đem lại cho quá trình áp dụng vào thực tiễn điều tra, truy tố và xét xử được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đối với Viện kiểm sát có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc kiểm sát các hoạt động tố

tụng nói chung và kiểm sát việc tiến hành các biện pháp ngăn chặn: bắt, tạm giữ, tạm giam nói riêng theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

6. Kết cấu của đề tài

Luận văn ngoài phần mở đầu, kết luận gồm có 3 chương.

Chương 1. Một số vấn đề chung về vai trò của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn: bắt, tạm giữ, tạm giam.

Chương 2. Thực tiễn hoạt động của Viện Kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp bắt người, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự.

Chương 3. Những kiến nghị và giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Viện Kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp bắt người, tạm giữ, tạm giam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ VAI TRÒ CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG VIỆC ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP NGĂN CHẶN BẮT, TẠM GIỮ, TẠM GIAM.

1.1. Khái quát về các biện pháp ngăn chặn bắt người, tạm giữ, tạm giam.

1.1.1. Sự cần thiết phải áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự.

Xuất phát từ tầm quan trọng của việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân Điều 71 Hiến pháp 1992 quy định: *“Công dân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Toà án, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt và giam giữ người phải đúng pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi truy bức, nhục hình xúc phạm danh dự, nhân phẩm của công dân”*.

Trong thực tế nhiều vụ án xảy ra nếu không áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam đối với bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn rất lớn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử, cụ thể như người phạm tội có thể bỏ trốn khỏi nơi cư trú sau khi gây án nhằm mục đích trốn tránh sự trừng phạt của pháp luật; người phạm tội sau khi gây án có thể có những hành động gây cản trở hoạt động điều tra của các cơ quan tiến hành tố tụng, dẫn đến hoạt động điều tra gặp nhiều khó khăn hơn; nhiều bị can, bị cáo lại không có nơi cư trú rõ ràng, hoặc luôn thay đổi chỗ ở, trong trường hợp này nếu không bắt, tạm giữ, tạm giam bị can, bị cáo sẽ bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử, mặc dù phạm tội ít nghiêm trọng; người phạm tội sau khi gây án có thể tẩu tán tài sản, tang vật do phạm tội mà có gây khó khăn cho công tác thu hồi lại tài sản phạm tội, cũng như có những hành động nhằm che dấu tội

phạm; người phạm tội sau khi gây án xong nếu không bắt tạm giữ, giam sẽ có thời gian để xóa dấu vết phạm tội, tiêu hủy chứng cứ, bịt đầu mối hay tìm cho mình những chứng cứ ngoại phạm hòng trốn tránh tội; người phạm tội có thể tiếp tục phạm tội mới nếu không áp dụng các biện pháp ngăn chặn ngay đối tượng phạm tội sẽ gây nguy hiểm cho xã hội ... Từ những lý do đó cho thấy sự cần thiết phải áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự điều đó đảm bảo cho công tác điều tra, truy tố và xét xử.

1.1.2. Căn cứ, thẩm quyền, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự.

Căn cứ áp dụng các biện pháp ngăn chặn nói chung được quy định tại điều 79 bộ luật tố tụng hình sự năm 2003: *“Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố xét xử hoặc sẽ tiếp tục phạm tội, cũng như khi cần bảo đảm thi hành án, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật này có thể áp dụng một trong những biện pháp ngăn chặn sau: bắt, tạm giữ, tạm giam...”*

Bắt bị can, bị cáo để tạm giam : phải tuân theo các căn cứ quy định tại điều 79 Bộ luật tố tụng hình sự, bao gồm các căn cứ sau: khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử; có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo tiếp tục phạm tội; khi có căn cứ rõ ràng bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc thi hành án hình sự.

Bắt người trong trường hợp khẩn cấp : được quy định tại điều 81 Bộ luật tố tụng hình sự, khi có căn cứ để cho rằng người đó đang chuẩn bị thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng ; khi người bị hại hoặc người có mặt tại nơi xảy ra tội phạm chính mắt trông thấy và xác nhận đúng là người đã thực hiện tội phạm mà xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn ; khi thấy có dấu vết của tội phạm ở người hoặc tại chỗ ở của người bị nghi thực hiện tội phạm và xét thấy cần ngăn chặn ngay việc người đó trốn hoặc tiêu hủy chứng cứ.

Bắt người trong phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã : được quy định tại Điều 82 Bộ luật tố tụng hình sự : đối với người đang thực hiện tội phạm hoặc ngay sau khi thực hiện tội phạm thì bị phát hiện hoặc bị đuổi bắt, cũng như người đang bị truy nã thì bất kỳ người nào cũng có quyền bắt và giải ngay đến cơ quan Công an, Viện kiểm sát hoặc Ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

Tạm giữ người trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam được quy định tại điều 86 Bộ luật tố tụng hình sự: tạm giữ có thể được áp dụng đối với những người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp, phạm tội quả tang, người phạm tội tự thú, đầu thú hoặc đối với người bị bắt theo quyết định truy nã. Trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp.

Tạm giam được quy định tại điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự khi Bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng ; phạm tội rất nghiêm trọng ; Bị can, bị cáo phạm tội nghiêm trọng, phạm tội ít nghiêm trọng mà bộ luật hình sự quy định hình phạt tù trên hai năm và có căn cứ cho rằng người đó có thể trốn hoặc cản trở việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc có thể tiếp tục phạm tội.

Thẩm quyền bắt người trong trường hợp khẩn cấp là Thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp; Người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; Người chỉ huy tàu bay, tàu biển, khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay bên cảng.

Theo quy định tại khoản 1 điều 82 Bộ luật tố tụng hình sự: Thẩm quyền bắt người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã thì bất cứ công dân nào cũng có quyền bắt người và giải ngay đến cơ quan công án, Viện kiểm sát hoặc ủy ban nhân dân nơi gần nhất.

Thẩm quyền ban hành quyết định tạm giữ người là Thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp; người chỉ huy đơn vị quân đội độc lập cấp trung đoàn và tương đương; người chỉ huy đồn biên phòng ở hải đảo và biên giới; người chỉ huy tàu bay, tàu biển khi tàu bay, tàu biển đã rời khỏi sân bay, bến cảng; chỉ huy trưởng vùng cảnh sát biển.

Thẩm quyền ra lệnh bắt tạm giam là Viện trưởng, Phó viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân, Viện kiểm sát quân sự các cấp, Chánh án, Phó chánh án Tòa án nhân dân, Tòa án quân sự các cấp; Thẩm phán giữ chức vụ Chánh tòa, phó Chánh tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao; Hội đồng xét xử; thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra các cấp. Lệnh tạm giam của thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan điều tra phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn trước khi ban hành.

Thủ tục bắt bị can, bị cáo để tạm giam: lệnh bắt bị can, bị cáo để tạm giam phải ghi rõ ngày, tháng, năm, họ tên, chức vụ của người ra lệnh; họ tên, địa chỉ của người bị bắt, lý do bắt và phải có chữ ký của người ra lệnh, có đóng dấu cơ quan mà người ra lệnh đang đảm nhiệm chức vụ, nhằm bảo đảm tính hợp pháp và qua đó xác định rõ trách nhiệm của người ra lệnh và cơ quan ra lệnh bắt người, nếu ra lệnh bắt người ban hành không đúng quy định của pháp luật. khi bắt người phải có đại diện của chính quyền xã, phường, thị trấn, hoặc cơ quan, tổ chức, nơi người đó đang công tác, học tập, trường hợp thực hiện lệnh bắt người tại nơi cư trú phải có người láng giềng tham gia chứng kiến nhằm bảo đảm việc bắt người được thực hiện công khai, minh bạch, đúng pháp luật.

Thủ tục bắt người trong trường hợp khẩn cấp: lệnh bắt khẩn cấp không cần phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát trước khi thi hành; sau khi bắt người, người ra lệnh bắt phải báo cáo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp để xem xét, phê chuẩn. Trong trường hợp Viện kiểm sát không phê chuẩn thì người ra lệnh bắt phải trả tự do ngay cho người bị bắt.

Thủ tục bắt người phạm tội quả tang; bắt người đang bị truy nã: sau khi bắt hoặc tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang, cơ quan điều tra phải lấy lời khai của người bị bắt, kiểm tra giấy tờ tùy thân, xác minh nhân thân và những hành vi phạm tội của người bị bắt, trong thời hạn 24 giờ phải ra quyết định tạm giữ hoặc trả tự do cho người bị bắt.

1.2. Thẩm quyền và trách nhiệm của Viện Kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự.

1.2.1. Thẩm quyền

Thẩm quyền chung của Viện kiểm sát nhân dân được quy định tại điều 137 Hiến pháp 1992 sửa đổi bổ sung năm 2001 quy định: “*Viện kiểm sát nhân dân tối cao thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, góp phần bảo đảm cho pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất. Các Viện kiểm sát nhân dân địa phương, các Viện kiểm sát quân sự thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp trong phạm vi trách nhiệm do luật định*”.

Thẩm quyền chung Viện kiểm sát về việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn được quy định tại điều 79 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 : “ *Viện kiểm sát trong phạm vi thẩm quyền tố tụng của mình hoặc người có thẩm quyền theo quy định của Bộ luật này có thể áp dụng một trong các biện pháp ngăn chặn sau đây: bắt, tạm giữ, tạm giam ...* ”

Thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt bị can, bị cáo để tạm giam gồm Viện trưởng, phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp. Trong trường hợp bắt bị can, bị cáo để tạm giam được thực hiện do cơ quan điều tra tiến hành thì lệnh bắt phải được Viện kiểm sát phê chuẩn trước khi thi hành.

Thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người trong trường hợp khẩn cấp: Lệnh bắt khẩn cấp không cần phải có sự phê chuẩn của Viện kiểm sát trước khi thi hành, nhưng trong mọi trường hợp, sau khi đã bắt người, người ra lệnh phải báo ngay cho Viện kiểm sát cùng cấp bằng văn bản kèm theo tài liệu liên quan đến việc bắt khẩn cấp để xét phê chuẩn. Thẩm quyền của Viện kiểm sát trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn bắt người trong trường hợp phạm tội quả tang, hoặc đang bị truy nã: Theo quy định của điều luật thì bất kể người nào cũng có quyền bắt và giải người phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã đến cơ quan công an, Viện kiểm sát hoặc UBND nơi gần nhất.

Thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ của Viện kiểm sát nhân dân: để đảm bảo công tác giám sát việc tạm giữ, tránh vi phạm quyền tự do, bất khả xâm phạm về thân thể của công dân, Bộ luật tố tụng hình sự quy định trong thời hạn 12 giờ, kể từ khi ra quyết định tạm giữ, quyết định tạm giữ phải được gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Nếu xét thấy việc tạm giữ không có căn cứ hoặc không cần thiết

thì Viện kiểm sát ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ phải trả tự do ngay cho người bị tạm giữ. Mọi trường hợp gia hạn tạm giữ đều phải được Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn.

Thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam của Viện kiểm sát nhân dân: Đối với Viện kiểm sát nhân dân thì Viện trưởng, phó Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân và Viện kiểm sát quân sự các cấp có quyền ra lệnh tạm giam và một số thủ trưởng cơ quan khác do luật quy định cũng có quyền ra lệnh tạm giam. Tại khoản 3 điều 88 Bộ luật tố tụng hình sự cũng quy định rõ: Những người có thẩm quyền ra lệnh tạm giam, thì lệnh tạm giam của những người này phải được Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phê chuẩn trước khi thi hành.

1.2.2. Trách nhiệm

Trong phạm vi chức năng của mình, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ góp phần bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân, đảm bảo để mọi hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tập thể, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân đều phải được xử lý theo pháp luật.

Quyền hạn và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn như bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự đã được quy định tại Điều 27 Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, khi thực hiện công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, Viện kiểm sát nhân dân có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

- Thường kỳ và bất thường trực tiếp kiểm sát tại nhà tạm giữ, trại tạm giam và trại giam.
- Kiểm tra hồ sơ, tài liệu của cơ quan cùng cấp và cấp dưới có trách nhiệm tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; gặp, hỏi người bị tạm giữ, tạm giam và người chấp hành án phạt tù về việc giam, giữ.
- Tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù.
- Yêu cầu cơ quan cùng cấp và cấp dưới quản lý nơi tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù kiểm tra những nơi đó và thông báo kết quả cho Viện kiểm sát nhân dân.
- Yêu cầu cơ quan cùng cấp, cấp dưới và người có trách nhiệm thông báo tình hình tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù; trả lời về quyết định, biện pháp hoặc việc làm vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù.
- Kháng nghị với cơ quan cùng cấp và cấp dưới yêu cầu đình chỉ việc thi hành, sửa đổi hoặc bãi bỏ quyết định có vi phạm pháp luật trong việc tạm giữ, tạm giam,

quản lý và giáo dục người chấp hành án phạt tù, chấm dứt việc làm vi phạm pháp luật và yêu cầu xử lý người vi phạm pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam là rất quan trọng nhằm đảm bảo cho việc bắt, tạm giữ, tạm giam đúng theo quy định của pháp luật; đảm bảo cho chế độ tạm giữ, tạm giam được thực hiện nghiêm chỉnh, đồng thời bảo vệ tính mạng, tài sản, danh dự, nhân phẩm của người bị bắt, bị tạm giữ, tạm giam cũng như các quyền khác của họ không bị pháp luật tước bỏ được tôn trọng và bảo vệ.

Chương 2

THỰC TIỄN HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT NGƯỜI, TẠM GIỮ, TẠM GIAM

2.1. Tình hình chung về việc bắt người, tạm giữ, tạm giam từ năm 2005 đến 2008.

2.1.1. Tình hình bắt người

Bắt người là biện pháp cưỡng chế được quy định trong luật tố tụng hình sự do cơ quan, người có thẩm quyền do luật định áp dụng đối với bị can, bị cáo hoặc người chưa bị khởi tố; người đang có hành vi phạm tội quả tang hoặc đang bị truy nã khi có căn cứ do bộ luật tố tụng hình sự quy định, nhằm kịp thời ngăn chặn tội phạm, ngăn chặn việc bị can, bị cáo gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án

Ngày 30 tháng 9 năm 2010, Văn phòng chính phủ đã tổ chức hội nghị tổng kết 12 năm thực hiện Nghị quyết 09/CP của Chính phủ về chương trình quốc gia về phòng, chống tội phạm, tại hội nghị Tổng cục cảnh sát phòng chống tội phạm báo cáo từ năm 1998 đến hết tháng 6 năm 2010 cả nước đã điều tra phát hiện 953.135 vụ phạm tội các loại; giảm 103.000 vụ (bằng 10,07% so với giai đoạn năm 1986 – 1997) triệt phá 43.280 băng, nhóm các loại; bắt 126.660 đối tượng.

* Những tồn tại nhất định trong việc áp dụng biện pháp bắt người.

- Còn có sự lạm dụng trường hợp bắt khẩn cấp quá nhiều.

- Việc bắt khẩn cấp là do cơ quan điều tra đã bắt trước sau đó mới đề nghị Viện kiểm sát cùng cấp phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp, chính vì vậy cơ quan điều tra không trao đổi trước với Viện kiểm sát hoặc có trao đổi thì cũng chưa có kết luận thống nhất giữa hai cơ quan dẫn đến việc cơ quan điều tra bắt tạm giữ Viện kiểm sát không phê chuẩn.

- Việc bắt bị can, bị cáo để tạm giam: như việc dùng giấy triệu tập để triệu tập bị can đến cơ quan hoặc đến trụ sở chính quyền địa phương, sau đó tuyên bố bắt đối tượng, nên việc mời người hàng xóm hoặc người đại diện chính quyền địa phương

chứng kiến sẽ không thực hiện được, điều tra viên tự mình hoàn tất mọi thủ tục theo trình tự pháp luật làm cho việc bắt đó không khách quan.

- Việc bắt người phạm tội quả tang: luôn luôn chiếm tỷ lệ cao trong các trường hợp bắt do cơ quan điều tra thường tiếp nhận người bị bắt nhiều hơn là từ hoạt động của mình.

2.1.2. Tình hình tạm giữ người.

Tạm giữ là một biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự áp dụng đối với người bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc phạm tội quả tang (cả đối với người bị bắt theo lệnh truy nã) để cơ quan điều tra có đủ thời gian kiểm tra, xác minh những thông tin về tội phạm cũng như những tình tiết về lời khai của người bị bắt để quyết định khởi tố vụ án hình sự, trả tự do hay áp dụng biện pháp ngăn chặn khác.

Bảng 2.1 tình hình bắt tạm giữ từ năm 2005 đến năm 2008.

STT	Năm	Tổng số tạm giữ	Trong đó số bị can bị khởi tố	Số bị can không bị khởi tố	Tỷ lệ phần trăm
1	2005	44.482	24.465	20.017	Chiếm 55%
2	2006	54.978	31.887	23.091	Chiếm 58%
3	2007	54.523	30.532	23.991	Chiếm 56%
4	2008	64.797	42.118	22.679	Chiếm 65%

** Theo báo cáo số liệu thống kê của của Cục thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao*

Qua bảng tổng kết nêu trên có thể rút ra được một số nhận xét sau:

Chất lượng bắt để tạm giữ được quan tâm thực hiện, tỷ lệ khởi tố hình sự trong các năm tăng dần năm 2005 là 24465 đến năm 2008 là 42.118 người tăng thêm 17.653 người. Các thủ tục pháp luật trong bắt để tạm giữ và chấp hành thời hạn tạm giữ đã được các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện nghiêm túc hơn, hạn chế những vi phạm như lạm dụng trong việc bắt, tạm giữ không có căn cứ, để quá hạn tạm giữ.

Một số những tồn tại trong tạm giữ:

Thứ nhất, việc tạm giữ hình sự còn chưa phân định một cách rõ ràng, có biểu hiện hình sự hóa các sự việc, tạm giữ hành chính và tố tụng hình sự lẫn lộn, đặc biệt ở cấp huyện, các cán bộ điều tra thường xem việc tạm giữ là một hình thức để “nấn gân, cảnh cáo” các đối tượng, lấy tạm giữ thay cho việc điều tra, xác minh bằng các hoạt động điều tra khác.

Thứ hai, tình trạng điều tra viên áp dụng biện pháp tạm giữ thông qua hình thức triệu tập các đối tượng có sự nghi ngờ nào đó rồi đề xuất việc tạm giữ, dẫn đến tình trạng việc tạm giữ được áp dụng không đúng đối tượng, cũng có trường hợp chưa điều tra xác minh vụ việc đã triệu tập đối tượng nghi vấn để tạm giữ lấy lời

khai. VD vụ án bố hiếp dâm con ở phường Đồng Mai, do đơn tố cáo của mẹ bị hại, cũng là vợ của người bị tố cáo. Công an phường Đồng Mai đã triệu tập người bị tố cáo nên trụ sở công an phường để xét hỏi...

Thứ ba, việc xây dựng nhà tạm giữ mặc dù đã theo mẫu thiết kế song không đảm bảo được yếu tố an toàn, có nơi đối tượng còn trao đổi thông tin được, bỏ trốn hoặc liên lạc được ra bên ngoài. Gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như ảnh hưởng đến công tác điều tra các vụ án.

Thứ tư, việc quá tải ở nhà tạm giữ, việc xử lý hành chính và tạm giữ tổ tụng còn lẫn lộn nên không phân hóa được đối tượng tạm giữ. Có trường hợp tạm giữ người chưa thành niên cùng với đối tượng đã thành niên. Việc tạm giữ tập trung vào một phòng sẽ gây ra tình trạng mất vệ sinh, an toàn phòng cháy chữa cháy; không đảm bảo ảnh hưởng đến sức khỏe người tạm giữ.

2.1.3. Tình hình tạm giam người.

Tạm giam là một trong những biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất trong các biện pháp ngăn chặn trong tố tụng hình sự. Biện pháp này tước bỏ quyền tự do của con người trong một thời gian nhất định và kèm theo là hạn chế một số quyền và nghĩa vụ nhất định của người bị tạm giam. Đây là một quy định của pháp luật có ảnh hưởng đến nhiều vấn đề khi thực hiện nó. Tuy nhiên, việc giải quyết yêu cầu cấp bách này cũng đang được từng bước khắc phục, bởi áp dụng biện pháp tạm giam, sẽ tác động đến chế độ chính sách đối với người bị áp dụng, đến tình hình quá tải ở các trại giam, đến cách nhìn nhận của xã hội về vấn đề tạm giam và những nhân tố về quyền con người nói chung

Bảng 2.2 số bị can bị khởi tố và bắt tạm giam từ năm 2005 đến năm 2008

STT	Năm	Số bị can bị khởi tố	Số bị can bị tạm giam	Tỷ lệ
1	2005	87.922	64.088	72,89%
2	2006	85.956	68.967	80,24%
3	2007	99.051	67.088	67,73%
4	2008	108.816	75.129	69,04%

** Theo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao từ năm 2005 đến năm 2008 về số bị can bị khởi tố và bắt tạm giam.*

Qua bảng tổng kết nêu trên có thể rút ra được một số nhận xét sau:

Số lượng bị can bị khởi tố về cơ bản năm sau cao hơn năm (trừ năm 2006), từ năm 2005 có 87.922 người bị khởi tố đến năm 2008 tăng lên 108.816 người, tăng thêm 20.894 người tăng 19,2 %.

Số lượng bị khởi tố và bị bắt tạm giam về cơ bản là tăng nhưng không đáng kể, từ năm 2005 là 64.088 bị can đến năm 2008 là 75.129 bị can, như vậy tỷ lệ tăng trong 4 năm là 14,6%.

Một số hạn chế tồn tại trong hoạt động tạm giam:

Thứ nhất, vướng mắc trong quy định về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra. Quy định về thời hạn điều tra và thời hạn tạm giam để điều tra vẫn không trùng khớp nhau làm cho việc áp dụng trên thực tế gặp những khó khăn nhất định.

Theo quy định tại điều 120 Bộ luật tố tụng hình sự thì thời hạn tạm giam để điều tra (kể cả thời hạn gia hạn) là không quá 03 tháng đối với tội ít nghiêm trọng, 06 tháng đối với tội nghiêm trọng; 09 tháng đối với tội rất nghiêm trọng; 16 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng. Trong khi đó điều 119 Bộ luật tố tụng hình sự lại quy định thời hạn để điều tra (kể cả thời hạn gia hạn) là 04 tháng đối với tội ít nghiêm trọng, 08 tháng đối với tội nghiêm trọng; 12 tháng đối với tội rất nghiêm trọng; 16 tháng đối với tội đặc biệt nghiêm trọng. Như vậy, thời hạn điều tra dài hơn thời hạn tạm giam để điều tra.

Thứ hai, trong thực tế nhiều trại giam giữ luôn trong tình trạng quá tải. Vì vậy việc phân loại đối tượng tạm giam chưa thực hiện đúng theo quy chế về tạm giữ, tạm giam của Bộ công an.

Thứ ba, tình trạng đề bị can suy kiệt sức khỏe, hoặc bị bệnh hiểm nghèo phải tạm giam đã được kiểm soát chặt chẽ, song việc xác định tình trạng bệnh truyền nhiễm nguy hiểm của bị can gặp khó khăn rất nhiều, quy định này chỉ áp dụng dựa vào tài liệu điều tra thu thập được còn lĩnh vực chuyên môn thì chưa đủ điều kiện để kết luận.

2.2. Tình hình Viện kiểm sát thực hiện chức năng kiểm sát việc bắt người, tạm giữ, tạm giam.

2.2.1. Tình hình Viện kiểm sát phê chuẩn các quyết định bắt người, tạm giữ, tạm giam.

Bảng 2.3. Tình hình VKSND các cấp không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp; không phê chuẩn gia hạn tạm giữ; không phê chuẩn gia hạn tạm giam; không phê chuẩn lệnh tạm giam.

Năm	Nội dung	Trường hợp
2004-2005	VKSND các cấp không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp	152
2004-2005	VKSND các cấp không phê chuẩn gia hạn tạm giữ	325
2004-2005	VKSND các cấp không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam	433

2004- 2005	VKSND các cấp không phê chuẩn lệnh tạm giam	612
---------------	---	-----

* Theo báo cáo số 117/BC- VKSTC ngày 09 tháng 10 năm 2004 và Báo cáo số 127/BC-VKSTC ngày 12 tháng 10 năm 2005 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về công tác của ngành kiểm sát nhân dân tại kỳ họp thứ 6 và kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XI: Hoạt động điều tra trong hai năm từ năm 2004 – 2005 (khi Bộ luật TTHS năm 2003 có hiệu lực).

Qua bảng tổng kết nêu trên có thể rút ra được một số nhận xét sau:

Các cơ quan điều tra đã vận dụng chưa chính xác các quy định của pháp luật tố tụng hình sự vào việc bắt khẩn cấp, bắt để tạm giam, gia hạn tạm giữ, tạm giam. Các cơ quan điều tra có các văn bản mà Viện kiểm sát không phê chuẩn liên quan đến việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn này cần xem xét lại các đề xuất của mình theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Những con số trên càng cho thấy vai trò và trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc giám sát việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam. Để từ đó các cơ quan điều tra phải xem xét cẩn thận trình tự, thủ tục điều tra, quá trình áp dụng và thực thi pháp luật, từ đó hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng oan sai xảy ra trong quá trình áp dụng. Từ việc không phê chuẩn của Viện kiểm sát đối với các quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam là cơ sở để cơ quan điều tra rút kinh nghiệm cho những trường hợp tương tự sau.

Từ những phân tích trên cho thấy việc phê chuẩn các quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát có một vai trò rất quan trọng giúp cho quá trình bắt, tạm giữ, tạm giam của cơ quan điều tra được tiến hành đúng thủ tục, trình tự theo quy định, mặt khác tránh được tình trạng bắt, giam, giữ một cách tùy tiện trái pháp luật, ảnh hưởng, xâm phạm đến quyền tự do về thân thể của công dân.

Một số những tồn tại của Viện kiểm sát trong công tác phê chuẩn quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam:

Thứ nhất, từ những sai, sót của cơ quan điều tra trong quá trình bắt, tạm giữ, tạm giam thực hiện không đúng quy định của pháp luật, đã gây khó khăn cho công tác phê chuẩn của Viện kiểm sát. Bên cạnh đó cộng với trình độ, năng lực, chuyên môn, nghiệp vụ của không ít Kiểm sát viên chưa nắm vững các quy định của pháp luật.

Thứ hai, việc sử dụng chứng cứ trong bắt người hết sức tùy tiện, không tuân thủ quy định của pháp luật.

Ví dụ: vụ án hiếp dâm xảy ra năm 2000 tại cánh đồng phường Yên Nghĩa quận Hà Đông, ba thanh niên trú tại Yên Nghĩa sau đó đã bị bắt, bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây khi đó tuyên phạt mỗi đối tượng trên 10 năm tù, Điều đặc biệt trong vụ án này là cơ quan điều tra chỉ căn cứ vào chiếc áo phông để lại tại hiện trường sau khi

gây án có đặc điểm là giống với chiếc áo mà một trong ba đối tượng bị bắt đã từng mặc trước đó cơ quan điều tra, tòa án đã kết luận ba đối tượng chính là thủ phạm trong vụ án hiếp dâm xảy ra tại cánh đồng Yên nghĩa quận Hà Đông, và điều đáng tiếc nữa đó là trong thời gian chịu án phạt tù một trong ba thanh niên đã mắc phải căn bệnh HIV.

2.2.2. Tình hình Viện kiểm sát kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tạm giữ, tạm giam.

a. Tình hình kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tạm giữ

Bảng 2.4 tình hình kiểm sát việc tạm giữ từ năm 2005 đến năm 2008

Nội dung kiểm sát	2005	2006	2007	2008
Số người không được phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp nên không thể tạm giữ	104	134	128	151
Số người không được phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ	148	189	168	151
Số lần kiểm sát tạm giữ	6406	7787	7723	5954
Số kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm	226	257	207	156
Trong đó: số kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	210	201	155	146
Số kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm	1187	1154	1114	740
Trong đó: số kiến nghị được khắc phục sửa chữa.	1125	1078	1047	707

** Theo báo cáo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao.*

Qua bảng tổng kết nêu trên có thể rút ra được một số nhận xét sau:

Số người Viện kiểm sát không phê chuẩn lệnh bắt khẩn cấp cơ bản năm sau cao hơn năm trước từ năm 2005 là 104 trường hợp đến năm 2008 tăng lên 151 trường hợp, tăng 47 trường hợp. Số người Viện kiểm sát không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ từ năm 2005 đến năm 2006 tăng đáng kể từ 148 trường hợp tăng lên 189 trường hợp tăng 41 trường hợp; tuy nhiên đến năm 2007 giảm xuống còn 168 trường hợp, đến năm 2008 còn 151 trường hợp. Số lần Viện kiểm sát kiểm sát tạm giữ: năm 2005 là 6406 lần; đến năm 2007 là 7787 lần, tăng 1381 lần; tuy nhiên đến năm 2007 và năm 2008 số lần Viện kiểm sát tạm giữ lại giảm xuống còn 7723 năm 2007 và 5954 lần năm 2008. Số kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm và được chấp nhận sửa chữa năm 2005 là 226 được sửa chữa là 210 đến năm 2008 còn 156 được sửa chữa là 146; giảm 70 trường hợp. Số kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm và số kiến nghị được khắc phục sửa chữa năm 2005 là 1187/1125 trường hợp đến năm 2008 là 740/707 trường hợp; như vậy từ năm 2005 đến năm 2008 số kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm và được chấp nhận sửa chữa giảm 447/418 trường hợp.

b. Tình hình kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tạm giam:

Bảng 2.5 Tình hình kiểm sát tạm giam của từ năm 2005-2008.

Nội dung kiểm sát	2005	2006	2007	2008
Số lần kiểm sát trại tạm giam	3742	3354	2920	2609
Số kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm	193	198	114	83
Trong đó: số kháng nghị được chấp nhận sửa chữa	149	138	103	74
Số kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm	802	823	774	415
Trong đó: số kiến nghị được chấp nhận sửa chữa	731	811	699	366

** Theo báo cáo số liệu thống kê của Cục thống kê tội phạm Viện kiểm sát nhân dân tối cao về tình hình kiểm sát tạm giam của từ năm 2005-2008.*

Qua bảng tổng kết nêu trên có thể rút ra được một số nhận xét sau:

Như vậy, qua bảng số liệu nêu trên từ năm 2005 đến năm 2008 số kháng nghị yêu cầu khắc phục vi phạm và số kháng nghị được chấp nhận sửa chữa và số kiến nghị yêu cầu khắc phục vi phạm và số kiến nghị được chấp nhận sửa chữa giảm đi tương đối, điều này chứng tỏ chất lượng kiểm sát của Viện kiểm sát trong công tác kiểm sát hoạt động tạm giam ngày càng được nâng cao, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, từ đó hạn chế đến mức thấp nhất những vi phạm trong hoạt động bắt tạm giam.

Trong công tác kiểm sát hoạt động bắt, tạm giữ, tạm giam của Viện kiểm sát còn tồn tại những hạn chế nhất định, cụ thể như:

Thứ nhất, trong thực tế hiện nay cho thấy, các kiến nghị, kháng nghị trong hoạt động kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam chưa có nhiều, nếu không muốn nói là rất ít.

Thứ hai, môi trường của các cán bộ làm công tác này cũng đặc biệt ở chỗ luôn luôn phải tiếp xúc với những đối tượng phạm tội nghiêm trọng đang bị bắt, tạm giữ, tạm giam, nhiều đối tượng khi vào trại luôn tiềm ẩn ý thức chống đối quyết liệt, đặc biệt có khi trong người các đối tượng còn mang theo các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bất cứ lúc nào cũng có thể lây nhiễm qua người khác như những bệnh HIV, viêm gan B, lao

Thứ ba, Việc kiểm sát hoạt động bắt, tạm giữ, tạm giam luôn phải tiếp xúc với những đối tượng vi phạm pháp luật nên đây cũng là môi trường luôn có những cám dỗ, tiêu cực trong quá trình tố tụng, đòi hỏi người cán bộ, kiểm sát viên làm công tác kiểm sát hoạt động bắt, tạm giữ, tạm giam phải luôn cảnh giác, vững vàng về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, mặt khác còn phải vững vàng về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống trong sạch, tác phong.

Thứ tư, hệ thống pháp luật của chúng ta chưa đồng bộ, nhiều lĩnh vực Bộ luật tố tụng hình sự còn chưa quy định cụ thể hoặc có quy định nhưng lại chung chung, hay có quy định nhưng qua thời gian áp dụng đến nay không còn phù hợp nữa cần phải bổ sung, điều chỉnh, thay thế.

Thứ năm, việc kiểm sát hoạt động bắt, giam, giữ của Viện kiểm sát ở một số địa phương còn tồn tại nhiều những sai sót hay vi phạm pháp luật về tố tụng như: để tình trạng tạm giam quá thời hạn quy định; hồ sơ thiếu các tài liệu cần thiết, hoặc ghi sai ngày, tháng, năm sinh, địa chỉ, quê quán, lệnh giam không có số, không có ngày, tháng, năm ban hành, không đóng dấu chức danh của người có thẩm quyền ký văn bản, chậm ra quyết định thi hành án,

2.2.3. Nguyên nhân làm phát sinh những tồn tại trong hoạt động của Viện kiểm sát liên quan đến bắt người, tạm giữ, tạm giam

Việc ban hành những văn bản quy phạm pháp luật cũng như sửa đổi, bổ sung những văn bản về lĩnh vực này chưa kịp thời, thiếu tính đồng bộ dẫn đến khi áp dụng không thống nhất có khi mỗi địa phương, đơn vị áp dụng một kiểu ảnh hưởng đến chất lượng hoạt động của Viện kiểm sát.

Ví dụ: việc quy định mức thuốc chữa bệnh cho bệnh nhân bị tạm giữ, tạm giam được thực hiện theo Nghị Định 89/1998/NĐ-CP được ban hành cách đây 11 năm, nhưng thực tế hiện nay giá thuốc chữa bệnh và một số hàng hóa, thực phẩm dùng cho sinh hoạt đã tăng lên gấp nhiều lần nhưng quy định mức cho bệnh nhân là người bị giam giữ vẫn chỉ là 01 kg gạo là không còn phù hợp với thực tế thị trường nữa, không đủ để bệnh nhân điều trị bệnh cũng như không đủ để người bị tạm giữ đủ sinh hoạt... Vì vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung những quy định trên để đảm bảo quyền lợi cho người bị tạm giữ, tạm giam trong việc điều trị bệnh và đủ điều kiện về ăn uống, sinh hoạt cho phạm nhân.

Một số địa phương có tình hình an ninh, trật tự phức tạp địa bàn rộng, dân số đông dẫn đến tình trạng tội phạm xảy ra nhiều, trong khi đó biên chế của những đơn vị, địa phương này lại hạn chế không đảm bảo về quân số để có thể giải quyết tất cả các vụ án trên địa bàn, chứ chưa nói đến là giải quyết đúng những vụ án theo đúng trình tự, thủ tục theo luật định. (Ví dụ như tỉnh Sơn La, một năm trung bình có từ 1500 đến 1700 vụ án liên quan đến ma túy, địa bàn lại rộng, đi lại khó khăn...)

Quy định về chính sách đãi ngộ đối với cán bộ làm công tác kiểm sát bắt, giam, giữ còn chưa thỏa đáng, điều này cũng ảnh hưởng đến chất lượng trong hoạt động kiểm sát của Viện kiểm sát nhân dân. Có thể nói đây là một công việc đòi hỏi sự yêu nghề cộng với tinh thần phải luôn luôn đề cao cảnh giác với tội phạm, nếu không rất có thể xa ngã bất cứ lúc nào, có khi công việc phải thực hiện vào nửa đêm hay phải đi xác minh điều tra ở những nơi miền núi, nguy hiểm đến tính mạng của chính bản thân mình nhưng những quy định về chế độ làm việc ngoài giờ, làm việc ở những nơi

nguy hiểm, độc hại đối với cán bộ điều tra vụ án lại không được quy định. Đây cũng là nguyên nhân là vật cản làm ảnh hưởng đến chất lượng công việc cũng như sự nhiệt tình và yêu nghề của cán bộ công chức trong cơ quan bảo vệ pháp luật nói chung. Đây là nguyên nhân cơ bản dẫn đến tiêu cực trong quá trình thực thi công vụ của cán bộ, công chức trong ngành tư pháp.

Mặt khác, từ chỗ chế độ đãi ngộ không thỏa đáng hơn nữa đây lại là một môi trường rất nhạy cảm rất có thể dẫn đến tiêu cực, nên đây cũng là một nguyên nhân làm cho đội ngũ cán bộ, công chức công tác trong lĩnh vực này rất dễ xa vào tiêu cực, thoái hóa biến chất. Minh chứng cho điều đó là trong thời gian qua đã có rất nhiều cán bộ, công chức làm việc trong các cơ quan bảo vệ pháp luật vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ, làm mất lòng tin của nhân dân vào sự công minh, dân chủ của pháp luật.

Diễn hình là trong thời gian qua nhiều vụ án mua bán, vận chuyển chất ma túy hay mua bán buôn lậu hàng hóa, trốn thuế ... có sự tiếp tay của một số cán bộ, công chức làm công tác bảo vệ pháp luật, điều này làm cho tình hình buôn bán, vận chuyển chất ma túy, buôn bán hàng hóa trốn lậu thuế có xu hướng ngày càng gia tăng và diễn biến hết sức phức tạp, gây khó khăn cho công tác phòng, chống tội phạm cũng như có những biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn tình trạng tiêu cực trên và ngăn chặn loại tội phạm này.

Một nguyên nhân nữa dẫn đến những tồn tại trong hoạt động của Viện kiểm sát trong hoạt động kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam là cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất chưa đảm bảo cho việc giam, giữ. Như về phòng giam, giữ một số địa phương không đủ về số lượng để đảm bảo cho giam, giữ đạt hiệu quả, phòng giam, giữ vượt quá số lượng người theo quy định, không đảm bảo $2m^2$ /người. Về chế độ ăn, uống, thuốc chữa bệnh và một số nhu cầu khác của phạm nhân cũng chưa được đảm bảo theo quy định.

VD. Theo báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh năm 2009 về công tác kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam cho thấy một số nhà tạm giữ và trại tạm giam ở địa phương trên địa bàn tỉnh hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu, đảm bảo theo quy định. Chất lượng buồng giam giữ xuống cấp nghiêm trọng không đảm bảo an toàn cho công tác giam giữ nên trên địa bàn tỉnh đã xảy ra một số vụ đào tường trốn khỏi nơi giam giữ, số người bị giam giữ đông chưa đảm bảo diện tích theo quy chế về tạm giữ, tạm giam là $2m^2$ /người, dẫn đến tình trạng giam giữ chung người chưa thành niên với người thành niên, những người cùng chung một vụ án hoặc người tạm giam với người bị tạm giữ, hầu hết hiện nay các nhà tạm giữ (công an cấp huyện) không có y bác sỹ để kiểm tra sức khỏe, xét nghiệm các bệnh lây nhiễm cho các đối tượng nhập trại, nên đã ảnh hưởng đến việc phân loại, theo dõi, kiểm tra, khám sức khỏe cho người bị tạm giữ, tạm giam, nhất là các nhà tạm giữ xa trung tâm cơ sở y tế.

Chương 3

NHỮNG KIẾN NGHỊ VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA VIỆN KIỂM SÁT TRONG VIỆC ÁP DỤNG BIỆN PHÁP BẮT NGƯỜI, TẠM GIỮ, TẠM GIAM

3.1. Hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự.

Thứ nhất, pháp luật quy định cơ quan điều tra tội phạm phải trực thuộc Viện kiểm sát.

Để việc bắt người, tạm giữ, tạm giam được chính xác đồng thời đảm bảo cho thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng pháp luật, tránh tình trạng bắt, tạm giữ, tạm giam không đúng đối tượng dẫn đến oan sai, theo quan điểm của cá nhân tôi các cơ quan điều tra tội phạm phải trực thuộc Viện kiểm sát, nói cách khác chức năng buộc tội phải gắn chặt với chức năng điều tra không tách rời, làm cho các hoạt động của cơ quan điều tra phải trực thuộc trực tiếp cơ quan tiến hành buộc tội.

Hiện nay, người tiến hành buộc tội tại các phiên tòa không là người trực tiếp, hoặc không là người trực tiếp lãnh đạo người điều tra vụ án, cơ quan tiến hành điều tra không phải là cơ quan buộc tội. Tức là, điều tra và buộc tội không cùng một chủ thể, và thực tế cho thấy giữa các chủ thể không ít những mâu thuẫn xảy ra trong quá trình tố tụng, mặt khác không có sự thống nhất giữa điều tra và công tố. Trong hoạt động chính trị cũng như quản lý nhà nước, để hạn chế tình trạng lạm dụng quyền lực, người ta dùng “*quyền lực để hạn chế quyền lực*”, theo kiểu “*tham vọng phải hạn chế bằng tham vọng*”, mà không bằng một con đường nào khác, phải chia các công đoạn của một hoạt động quản lý, hoạt động chính trị ra một số các công đoạn nhỏ và giao cho các chủ thể khác nhau cùng đảm nhiệm và có thể dùng công đoạn này kiểm chế, thậm chí là đối trọng công đoạn kia. Nhưng trong hoạt động điều tra và buộc tội thì lại hoàn toàn khác. Mặc dù chúng là hai công đoạn nhưng vì phải đảm bảo độ chính xác và nhanh chóng cần phải nhập chúng lại. Bởi lẽ rằng, cả hai hoạt động điều tra và buộc tội đều cần đến một lời cáo trạng chính xác và nhanh chóng và được kiểm nghiệm lại trong quá trình xét xử tại phiên Tòa.

Trong trường hợp những vụ án phức tạp, người tiến hành điều tra cần chuyên môn nghiệp vụ, thì hoạt động điều tra này phải được đặt dưới sự chỉ đạo chặt chẽ của kiểm sát viên thực hiện quyền công tố của vụ án. Việc nhập vào như vậy, chắc chắn hoạt động điều tra, buộc tội sẽ chính xác hơn, vì không phải thông qua khâu trung gian và sẽ nhanh chóng hơn. Vấn đề thời gian, vấn đề chính xác bao giờ cũng đáng quan tâm trong giai đoạn hiện nay trong bất kể hệ thống xét xử nào.

Thực tế ở Việt Nam hiện các hoạt động điều tra do cơ quan trực thuộc Bộ công an thực hiện, còn hoạt động công tố thì thuộc chức năng của Viện kiểm sát điều này làm cho không ít trường hợp công tố ủy viên không biết được mọi chi tiết của tội

phạm, vì họ phải buộc tội thông qua các kết luận của cơ quan điều tra chuyển sang. Mặc dù pháp luật hiện hành vẫn có quy định hoạt động điều tra phải đặt dưới sự kiểm tra, giám sát của Viện kiểm sát, nhưng sự kiểm tra, giám sát này không dễ gì thực hiện, chỉ bởi một lẽ rằng, cơ quan điều tra không trực thuộc Viện kiểm sát.

Thứ hai, trong việc áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam: Theo quy định tại điều 303 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về Bắt, tạm giữ tạm giam:

“ Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi có thể bị bắt, tạm giữ, tạm giam nếu có đủ căn cứ quy định tại các điều 80, 81, 82, 86, 88 và 120 của Bộ luật này, nhưng chỉ trong những trường hợp phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý hoặc phạm tội đặc biệt nghiêm trọng... ”.

Như vậy, theo quy định của điều luật đối với người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng không áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam. Tuy nhiên trong thực tế nhiều địa phương do có nhiều người ở địa phương khác đến tạm trú, thậm trí không có nơi tạm trú rõ ràng, không có thân nhân bảo lãnh, trẻ em lang thang nếu không bắt, tạm giữ, tạm giam thì họ sẽ bỏ trốn gây khó khăn cho công tác điều tra truy tố xét xử tiếp theo. Vì vậy, cần sửa đổi điều luật cho phù hợp với thực tế theo hướng: đối với người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng nhưng bản thân không có nơi ở địa chỉ rõ ràng thì vẫn có thể áp dụng biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam đảm bảo cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Tại điều 177 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về áp dụng, thay đổi hoặc hủy bỏ biện pháp ngăn chặn:

“...Đối với bị cáo đang bị tạm giam mà đến ngày mở phiên tòa thời hạn tạm giam đã hết, nếu xét thấy cần tiếp tục tạm giam để hoàn thành việc xét xử, thì tòa án ra lệnh tạm giam cho đến khi kết thúc phiên tòa.”

Qua thực hiện nhận thấy việc quy định như vậy là chưa phù hợp cần sửa đổi và quy định rõ thời gian tòa ra lệnh tạm giam đối với từng bị can, bị cáo, chứ không quy định chung chung như trên, dẫn đến tình trạng tùy tiện trong việc áp dụng.

Thứ ba, Theo quy định tại Khoản 2 điều 26 Nghị Định số 89/1998/NĐ-CP quy định: *“ Bình quân diện tích tối thiểu nơi giam giữ đối với người bị tạm giữ, tạm giam là 2m²/1 người, có kệ nằm bằng xi măng hoặc gạch men hoặc có chiếu để nằm ”.* Quy định 2m² tối thiểu nơi giam giữ cho một người như nêu trên là không cụ thể rõ ràng dẫn đến khó khăn cho việc áp dụng, thực tế qua kiểm sát có trường hợp 1 buồng giam có diện tích 12m² tạm giam 06 người trong đó buồng giam có 2 kệ nằm bằng 7m², còn lại 5m² là công trình vệ sinh và lối đi, như vậy, 06 người trên 07m² kệ nằm là quá chật, nhưng vẫn không vi phạm pháp luật.

Thứ tư, bỏ quy định Viện kiểm sát kiểm sát việc xét xử của Tòa án.

Viện kiểm sát vừa là chủ thể buộc tội, một bên của tố tụng, vừa đứng ra kiểm sát việc xét xử. Như vậy, chẳng khác nào “vừa đá bóng vừa thổi còi”. Tòa án ở đây

chỉ được tuyên theo cáo trạng của Viện kiểm sát, cũng từ đây, không những Viện kiểm sát kiểm sát trong khi xét xử giữ quyền công tố buộc tội mà còn có cả quyền giám sát hoạt động xét xử của chính phiên tòa mà Viện kiểm sát đang đóng vai trò là người buộc tội.

Tại khoản điều 87 Bộ luật hình sự năm 2003 quy định về Thời hạn tạm giữ :
“....Trong trường hợp cần thiết, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ nhưng không quá ba ngày. Trong trường hợp đặc biệt, người ra quyết định tạm giữ có thể gia hạn tạm giữ lần hai nhưng không quá ba ngày...”.

Việc quy định như điều luật trên gây khó khăn cho quá trình áp dụng. Bởi lẽ, Luật không giải thích khái niệm trường hợp nào là *“trường hợp cần thiết”* và trường hợp nào là *“trường hợp đặc biệt”*. Cũng tại điều 79 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 quy định về các biện pháp và căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn quy: *“Để kịp thời ngăn chặn tội phạm hoặc khi có căn cứ chứng tỏ bị can, bị cáo sẽ gây khó khăn cho việc điều tra, truy tố, xét xử hoặc tiếp tục phạm tội...”* ở đây điều luật không giải thích thế nào là*khi có căn cứ chứng tỏ....*

3.2. Hoàn thiện tổ chức Viện Kiểm sát.

Theo Nghị Quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị, Viện kiểm sát phải tiếp tục đổi mới, đó là việc tiếp tục hoàn thiện lại thể chế Viện kiểm sát theo xu hướng phân công rõ ràng giữa ba quyền: Lập pháp; hành pháp và tư pháp và không nên nhầm lẫn giữa ba lĩnh vực trên, có như vậy, thì tư pháp mới có cơ sở cho sự độc lập trong quá trình hoạt động của mình... . Phân định rõ thẩm quyền quản lý hành chính với trách nhiệm, quyền hạn tư pháp trong hoạt động tố tụng tư pháp theo hướng tăng quyền và trách nhiệm cho điều tra viên, kiểm soát viên và thẩm phán đồng thời chủ động trong việc thực thi nhiệm vụ nâng cao tính độc lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi và quyết định tố tụng của mình. Xác định rõ căn cứ tạm giam; hạn chế việc áp dụng biện pháp tạm giam đối với một số loại tội phạm; thu hẹp đối tượng người có thẩm quyền quyết định việc áp dụng các biện pháp tạm giam... trước mắt, Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên chức năng như hiện nay là thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động Tư pháp. Viện kiểm sát nhân dân được tổ chức phù hợp với tổ chức của Tòa án. Nghiên cứu việc chuyển Viện kiểm sát thành viện công tố, tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra...

Trước năm 2001, khi Hiến pháp năm 1992 chưa sửa đổi, Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền lớn rất nhiều so với hiện nay, với chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật của các cơ quan ngang bộ, cơ quan hành chính các cấp và mọi tổ chức công dân. Đến nay, chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật này chỉ gói gọn trong kiểm sát hoạt động tư pháp của cơ quan điều tra, tòa án và cơ quan thi hành án các cấp. Theo Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ chính trị về cải cách tư pháp, sắp tới Viện kiểm sát sẽ được nghiên cứu theo mô hình Viện công tố với chức năng chủ yếu là

thực hành quyền công tố nhà nước, trong đó chức năng chỉ đạo điều tra sẽ được củng cố và tăng cường.

Về tổ chức, hoạt động của Viện kiểm sát không theo nguyên tắc song trùng trực thuộc, mà chỉ trực thuộc một chiều của cấp trên, để đảm bảo các chủ thể, nhất là địa phương và cấp dưới phải luôn luôn tuân theo pháp luật, quyết định cũng như ý chí của cấp trên bằng các quyết định của Viện kiểm sát. Khi mới ra đời chức năng quan trọng có tính bao trùm của Viện kiểm sát nhân dân là kiểm sát chung – kiểm sát việc tuân thủ pháp luật của các cấp chính quyền từ cấp bộ xuống các địa phương. Trên cơ sở của việc thực hiện chức năng kiểm sát chung, mà Viện kiểm sát có thêm chức năng phụ là công tố buộc tội. Chuyển sang thời kỳ đổi mới, chức năng kiểm sát chung theo Hiến pháp sửa đổi không còn nữa. Viện kiểm sát chỉ còn lại chức năng buộc tội và kiểm sát hoạt động tư pháp. Viện kiểm sát không còn chức năng kiểm sát chung, lý do của việc sửa đổi này là giúp cho Viện kiểm sát tập trung nhân lực và vật lực làm công tác buộc tội và gạt bỏ đi sự chòng chéo không đáng có của các chức năng này với các cơ quan nhà nước khác.

Về tổ chức bộ máy và cán bộ của Viện kiểm sát nhân dân như quy định hiện nay là phù hợp với thực tế (ở viện kiểm sát nhân dân tối cao có Vụ nghiệp vụ, cấp tỉnh có phòng, cấp huyện có bộ phận). Tuy nhiên vấn đề cán bộ cần phải được quan tâm xem xét vì hiện nay số lượng cán bộ, kiểm sát viên ở 3 cấp kiểm sát còn quá ít trong khi đó khối lượng công việc giải quyết lại nhiều cho nên cần phải bổ sung thêm biên chế cho những địa phương có dân số đông, mặt khác hạn chế tình trạng kiêm nhiệm đối với cơ sở như hiện nay.

3.3. Hoàn thiện về trình độ, năng lực Kiểm sát viên.

Xuất phát từ quan điểm của Đảng nêu trên, đội ngũ cán bộ làm công tác tư pháp nói chung và đội ngũ Kiểm sát viên nói riêng phải được đảm bảo về số lượng cũng như chất lượng và được đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên được bổ nhiệm theo quy định của pháp luật để làm nhiệm vụ thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp.

Tiêu chuẩn người được bổ nhiệm kiểm sát viên phải là công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có phẩm chất, đạo đức tốt, liêm khiết và trung thực, có trình độ cử nhân luật, đã được đào tạo về nghiệp vụ kiểm sát, điều tra, có tinh thần kiên quyết bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, có thời gian làm công tác thực tiễn theo quy định của pháp luật, có sức khỏe đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao thì có thể được bổ nhiệm làm kiểm sát viên, nhiệm kỳ của kiểm sát viên là năm năm.

Đội ngũ kiểm sát viên làm việc trong lĩnh vực này đòi hỏi phải luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, nắm vững chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và các quy định

của pháp luật, đặc biệt là quy định của bộ luật Hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản có liên quan.

3.4. Những kiến nghị khác

Thứ nhất, đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao cùng với Bộ công an phối hợp xây dựng Quy chế về quan hệ phối hợp giữa cơ quan công an và Viện kiểm sát trong việc bắt, tạm giữ, tạm giam và kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam, trong đó quy định quan hệ phối hợp là trách nhiệm của hai bên.

Thứ hai, thường xuyên kiểm sát các trình tự, thủ tục tố tụng, các căn cứ pháp luật trong hồ sơ bị tạm giữ, tạm giam để phát hiện vi phạm, thiếu sót, thông qua đó kịp thời ban hành các văn bản kiến nghị yêu cầu cơ quan tiến hành tố tụng, trại giam và các nhà tạm giữ rút kinh nghiệm, khắc phục kịp thời.

Thứ ba, tăng cường kiểm sát việc bắt, tạm giữ, tạm giam đối với từng trường hợp cụ thể. Trước khi phê chuẩn lệnh bắt, tạm giữ, tạm giam Viện trưởng Viện kiểm sát phải giao cho kiểm sát viên nghiên cứu hồ sơ, xem xét nghiên cứu và đề xuất đối chiếu với pháp luật, Viện trưởng Viện kiểm sát quyết định phê chuẩn hoặc không phê chuẩn.

Thứ tư, thực tế nhiều vụ án có sự tham gia của Luật sư và việc Luật sư gặp bị can đang bị tạm giam là một điều không đơn giản, phụ thuộc vào điều tra viên có thời gian đi cùng Luật sư hay không và gặp được bị can đang bị tạm giam đã khó, trong trường hợp nếu có gặp được bị can thì bao giờ cũng đều có mặt điều tra viên ngồi cạnh để giám sát cuộc gặp gỡ này.

Thứ năm, một thực tế nữa đang tồn tại trong trại giam giữ, người bị tạm giữ, tạm giam được cấp phát và sử dụng khăn mặt, nhưng trong thực tế lại không có chỗ treo khăn mặt, vì để treo được khăn mặt phải có dây, đinh, nhưng đây lại là hai vật cấm được sử dụng trong trại giam, giữ.

Thứ sáu, các phòng giam, giữ đều có vòi nước để phạm nhân sử dụng, nhưng thực tế cho thấy đây lại là nơi để phạm nhân các phòng giam, giữ có thể liên lạc thông cung với nhau qua đường ống nước trong những trường hợp mất nước.

Thứ bảy, công tác phối hợp giữa các ngành: để nâng cao chất lượng công tác kiểm sát bắt, tạm giữ, tạm giam Viện kiểm sát nhân dân chủ động phối hợp với cơ quan công an, phối hợp với Trại giam, Ủy ban mặt trận tổ quốc cùng cấp tăng cường công tác phối kết hợp để thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của từng ngành trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và công tác kiểm sát quản lý các nhà tạm giữ, trại tạm giam, trại giam nói riêng.

Thứ tám, tiếp tục xây dựng mô hình tốt, nhân rộng và khen thưởng kịp thời những tấm gương điển hình trong công tác kiểm sát, quản lý việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong tố tụng hình sự nói riêng và trong đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung.

KẾT LUẬN

Các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam là những biện pháp ngăn chặn nghiêm khắc trong hệ thống các biện pháp ngăn chặn của tổ tụng hình sự Việt Nam. Quy định và áp dụng đúng đắn các biện pháp ngăn chặn này có tác dụng rất lớn trong việc ngăn chặn tội phạm và là một trong những biện pháp hữu hiệu để các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, đồng thời cũng là biện pháp động viên toàn thể nhân dân tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Hoạt động bắt, tạm giữ, tạm giam có lịch sử hình thành và phát triển cùng với sự ra đời của pháp luật, ngày càng hoàn thiện hơn trong pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam, nó được thực hiện bởi các nguyên tắc, quy định của hệ thống pháp luật XHCN. Việc đi sâu nghiên cứu lý luận, phân tích các quy định về căn cứ, đối tượng áp dụng, thẩm quyền ra lệnh, trình tự thủ tục tiến hành các hoạt động bắt, tạm giữ, tạm giam cũng như vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp này, từ đó có thể hiểu một cách sâu sắc các quy định của pháp luật về các biện pháp ngăn chặn này làm cơ sở cho hoạt động thực tiễn. Nghiên cứu lý luận phát hiện ra những mâu thuẫn, bất cập trong điều luật để có hướng sửa đổi hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự nói chung và các biện pháp ngăn chặn nói riêng, trong đó có biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam và vai trò của Viện kiểm sát trong lĩnh vực này là việc làm hết sức cần thiết. Thực tiễn áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam trong những năm qua đã đạt được kết quả to lớn, ngăn chặn được hành vi phạm tội, giúp cho việc điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án được thuận lợi, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Song bên cạnh đó, thực tiễn áp dụng các biện pháp ngăn chặn này trong những năm qua còn bộc lộ không ít những tồn tại, những khiếm khuyết, hạn chế trong quy định và áp dụng cần khắc phục.

Đề tài đã làm rõ vai trò của Viện kiểm sát nhân dân các cấp trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam, giúp cho quá trình kiểm sát hoạt động tư pháp được đảm bảo đúng pháp luật từ đó phát hiện chính xác, nhanh chóng, xử lý công minh và kịp thời mọi hành vi phạm tội, không để lọt tội phạm, không làm oan người vô tội, pháp luật giao cho người có thẩm quyền do luật định có quyền áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam.

Các quy định về các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam là cơ sở pháp lý cần thiết, quan trọng cho các cơ quan tiến hành tố tụng và công dân trong cuộc đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm. Muốn áp dụng đúng đắn các quy định đó trước hết các quy định phải chặt chẽ, đồng bộ và thống nhất. Về phía các cơ quan có thẩm quyền phải xem xét nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung những quy định mâu thuẫn chồng chéo hoặc không còn phù hợp.

Hiệu quả của các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam dựa trên cơ sở nhằm ngăn chặn được tội phạm, bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, đáp ứng được đòi hỏi của pháp luật, hiệu quả còn được tính đến chi phí áp dụng... Vì nhiều nguyên nhân khác nhau làm cho hiệu quả các biện pháp ngăn chặn có lúc, có nơi chưa cao. Do đó, nâng cao hiệu quả áp dụng các biện pháp ngăn chặn là một đòi hỏi tất yếu, bao gồm nhiều giải pháp. Từ việc hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự, nâng cao trình độ pháp lý, trình độ nghiệp vụ cũng như bồi dưỡng rèn luyện phẩm chất cách mạng, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ tư pháp, tăng cường sự lãnh đạo của thủ trưởng các cơ quan tiến hành tố tụng, sự phối hợp kiểm tra giám sát giữa các cơ quan, tăng cường kiểm sát chặt chẽ đối với các trường hợp bắt, tạm giữ, tạm giam đến việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trang thiết bị kỹ thuật phục vụ cho việc bắt, tạm giữ, tạm giam.

Tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục ý thức pháp luật nâng cao dân trí pháp luật cho nhân dân.

Việc nghiên cứu vai trò của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam trong Luật tố tụng hình sự Việt Nam là một vấn đề lớn và phức tạp. Trong phạm vi của một luận án, tác giả đã cố gắng đưa ra những vấn đề cơ bản nhất nhằm giải quyết những đòi hỏi bức thiết nhất về việc quy định và áp dụng các chế định luật về các biện pháp ngăn chặn bắt, tạm giữ, tạm giam. Kết hợp giữa lý luận và thực tiễn, tác giả hy vọng rằng với những kết quả nghiên cứu được rút ra từ luận văn sẽ đóng góp một phần vào việc hoàn thiện pháp luật và nâng cao vai trò, trách nhiệm của Viện kiểm sát trong việc áp dụng các biện pháp bắt, tạm giữ, tạm giam góp phần bảo vệ pháp chế XHCN, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân, đảm bảo thực hiện nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, phấn đấu xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa./.